

BÁO CÁO

Về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ
(Tài liệu phục vụ gửi Bộ Tư pháp thẩm định)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) (sửa đổi). Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

- Việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Luật thuế TTĐB được thực hiện nhằm tránh việc chồng chéo, mâu thuẫn, chưa đồng bộ giữa các quy định của dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi) với các luật khác có liên quan để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Bám sát Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030: “Các chính sách thuế chỉ được quy định trong các văn bản pháp luật về thuế và được hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung bảo đảm tính nhất quán về hiệu lực pháp lý giữa các luật thuế và các văn bản pháp luật có liên quan”.

- Đối với những nội dung chuyên ngành được dẫn chiếu tại Luật thuế TTĐB mà đã được quy định rõ trong các Luật chuyên ngành thì tiếp tục thực hiện theo pháp luật chuyên ngành.

- Đảm bảo minh bạch, rõ ràng, tạo thuận lợi trong quá trình thực thi.

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

- Nhóm các Luật về thuế có liên quan đến Luật thuế TTĐB (sửa đổi).
- Nhóm các luật chuyên ngành khác có liên quan đến Luật thuế TTĐB (sửa đổi).

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Kết quả chung

Luật thuế TTĐB được ban hành năm 2008 là dấu mốc quan trọng trong lịch sử xây dựng, phát triển và hoàn thiện pháp luật về thuế TTĐB của nước ta.

Luật thuế TTĐB kế thừa các quy định của Luật thuế TTĐB năm 1997, các Luật sửa đổi, bổ sung và được xây dựng trên tinh thần đơn giản, rõ ràng hơn để phù hợp với tiêu chí công khai, minh bạch cho người nộp thuế và cơ quan thuế thực hiện, đồng thời, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm pháp luật của các nước để vận dụng phù hợp với tình hình Việt Nam. Theo đó, Luật thuế TTĐB đã khắc phục được các bất cập tồn tại nhiều năm trong hệ thống văn bản pháp luật, góp phần bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khả thi của hệ thống pháp luật về thuế TTĐB.

Trong 15 năm triển khai thực hiện, nhìn chung quan hệ giữa Luật thuế TTĐB và pháp luật có liên quan tương đối ổn định. Tuy nhiên, hiện nay tại Luật thuế TTĐB đã xuất hiện một số nội dung mâu thuẫn với pháp luật chuyên ngành cần phải được khắc phục. Sự vướng mắc, chông chéo này xuất phát từ các nguyên nhân sau:

- Một số quy định của Luật thuế TTĐB được ban hành hiện không còn phù hợp với thực tiễn xã hội, nhu cầu hội nhập.

- Các quy định của pháp luật chuyên ngành được ban hành sau Luật thuế TTĐB đã làm thay đổi hoặc chi tiết hóa các thuật ngữ chuyên ngành dẫn đến việc áp dụng chưa thống nhất, phát sinh cách hiểu và áp dụng khác nhau.

Qua rà soát, Bộ Tài chính nhận thấy, các quy định tại dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi) đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam và không trái với các cam kết tại các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia và là thành viên.

Quá trình thực hiện, Luật thuế TTĐB đã góp phần định hướng sản xuất, tiêu dùng của xã hội, điều tiết thu nhập của người tiêu dùng có thu nhập cao, góp phần tái phân phối thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội; góp phần bảo vệ môi trường; góp phần thực hiện cam kết của Việt Nam khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), bảo đảm phù hợp với thông lệ quốc tế và góp phần ổn định nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Vì vậy, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến thuế TTĐB và giải quyết tốt những bất cập, vướng mắc giữa Luật thuế TTĐB và các luật liên quan là hết sức cần thiết.

2. Kết quả cụ thể

2.1. Nhóm các luật thuế về thuế

Rà soát 7 Luật về thuế (gồm: Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật thuế bảo vệ môi trường, Luật thuế tài nguyên, Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp) cho thấy, có 01 trong tổng số 07 Luật có nội dung vướng mắc, chông chéo với Luật thuế TTĐB, cụ thể:

Luật có nội dung chưa đồng bộ: Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Nội dung chưa đồng bộ tập trung vào: (1) đối tượng không chịu thuế, (2) giá tính thuế.

2.2. Nhóm các luật chuyên ngành có nội dung vướng mắc, không đồng bộ với Luật thuế TTĐB

Qua rà soát 08 Luật chuyên ngành (bao gồm: (1) Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá; (2) Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia; (3) Luật Hàng không dân dụng, (4) Luật hải quan; (5) Luật đường bộ; (6) Luật doanh nghiệp; (7) Luật Thương mại; (8) Luật Hợp tác xã cho thấy một số quy định của Luật thuế TTĐB chưa có sự đồng bộ, cập nhật kịp thời với một số Luật chuyên ngành.

Nội dung chưa đồng bộ tập trung vào: (1) đối tượng chịu thuế TTĐB, (2) đối tượng không chịu thuế TTĐB; (3) khấu trừ, hoàn thuế TTĐB.

(Chi tiết tại Phụ lục – văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi)).

Từ kết quả rà soát và quá trình tổng kết thi hành Luật thuế TTĐB trong thời gian qua, Bộ Tài chính đề xuất, kiến nghị như sau:

- Luật thuế TTĐB là Luật cơ bản điều chỉnh các chính sách về thuế TTĐB. Theo đó, trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Luật này và các luật khác trong việc áp dụng chính sách thuế TTĐB thì thực hiện theo quy định của Luật thuế TTĐB. Để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật, Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi các nội dung sau đây trong dự thảo Luật thuế TTĐB (sửa đổi) để thống nhất, đồng bộ với các Luật có liên quan:

+ Sửa đổi nội dung quy định về đối tượng chịu thuế TTĐB đối với mặt hàng thuốc lá, rượu, bia, xe ô tô dưới 24 chỗ, tàu bay để đồng bộ với Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá, Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia và Tiêu chuẩn Việt Nam về ô tô, Luật hàng không dân dụng.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng không chịu thuế TTĐB để đồng bộ với Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật hàng không dân dụng.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về các trường hợp hoàn thuế TTĐB để đồng bộ với Luật doanh nghiệp, Luật hợp tác xã.

(Nội dung rà soát mâu thuẫn, không đồng bộ và đề xuất sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này).

Trên đây là Báo cáo kết quả rà soát Luật thuế TTĐB với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Lưu: VT, CST (q b).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Giao Anh Tuấn

Phụ lục

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC RÀ SOÁT
LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN LUẬT THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Nhóm vấn đề	Văn bản QPPL được rà soát	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
Đối tượng chịu thuế	1. Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá	<p>* Về quy định mặt hàng thuốc lá:</p> <p>- Luật thuế TTĐB hiện hành quy định đối tượng chịu thuế TTĐB bao gồm: <i>“Thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm”</i>.</p> <p>- Khoản 1 và 3 Điều 2 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá số 09/2012/QH15 quy định về giải thích từ ngữ như sau:</p> <p><i>“1. Thuốc lá là sản phẩm được sản xuất từ toàn bộ hoặc một phần nguyên liệu thuốc lá, được chế biến dưới dạng thuốc lá điếu, xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lá hoặc các dạng khác.”</i></p> <p><i>“3. Nguyên liệu thuốc lá là lá thuốc lá dưới dạng rời, tấm đã sơ chế tách cọng, sợi thuốc lá, cọng thuốc lá và nguyên liệu thay thế khác dùng để sản xuất thuốc lá.”</i></p> <p>* Về giá tính thuế</p> <p>- Luật thuế TTĐB hiện hành quy định về giá tính thuế như sau:</p>	<p>- Quy định của Luật thuế TTĐB hiện hành chưa đồng bộ với Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá.</p> <p>- Đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định mặt hàng “thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB thành “thuốc lá theo quy định của Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá, bao gồm thuốc lá điếu, xì gà, thuốc lá sợi, thuốc lá hoặc các dạng khác, chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm” để đồng bộ với quy định tại Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá.</p> <p>- Bổ sung quy định cụ thể về giá</p>

Nhóm vấn đề	Văn bản QPPL được rà soát	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p><i>“Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hoá, dịch vụ là giá bán ra, giá cung ứng dịch vụ chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt, chưa có thuế bảo vệ môi trường và chưa có thuế giá trị gia tăng được quy định như sau:</i></p> <p><i>1. Đối với hàng hóa sản xuất trong nước, hàng hóa nhập khẩu là giá do cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra.</i></p> <p>...</p> <p><i>Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều này bao gồm cả khoản thu thêm, được thu (nếu có) mà cơ sở kinh doanh được hưởng.”</i></p> <p>- Tại điểm a khoản 1 Điều 30 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá số 09/2012/QH15 quy định về khoản đóng góp bắt buộc cho Quỹ phòng chống, tác hại của thuốc lá như sau:</p> <p><i>“a) Khoản đóng góp bắt buộc của cơ sở sản xuất, nhập khẩu thuốc lá được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt theo lộ trình: 1,0% từ ngày 01 tháng 5 năm 2013; 1,5% từ ngày 01 tháng 5 năm 2016; 2,0% từ ngày 01 tháng 5 năm 2019. Khoản đóng góp bắt buộc được khai, nộp cùng với thuế tiêu thụ đặc biệt do cơ sở sản xuất, nhập khẩu thuốc lá tự khai, tự tính, tự nộp vào tài khoản của Quỹ;”</i></p>	<p>tính thuế TTĐB đối với mặt hàng thuốc lá bao gồm cả khoản đóng góp bắt buộc và kinh phí hỗ trợ theo quy định tại Luật phòng chống tác hại của thuốc lá.</p>

Nhóm vấn đề	Văn bản QPPL được rà soát	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>- Ngoài ra, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuốc lá thuộc Hiệp hội Thuốc lá Việt Nam và các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuốc lá khác hoạt động hợp pháp tại Việt Nam tự nguyện đóng góp kinh phí hỗ trợ công tác phòng, chống buôn lậu thuốc lá điều và sản xuất, buôn bán thuốc lá giả, nhằm thực hiện Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá.</p>	
	<p>2. Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia</p>	<p>- Luật thuế TTĐB hiện hành quy định đối tượng chịu thuế TTĐB bao gồm: “Rượu”.</p> <p>- Điều 2 Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia số 44/2019/QH14 có quy định về giải thích từ ngữ như sau:</p> <p>“1. Rượu là đồ uống có cồn thực phẩm, được sản xuất từ quá trình lên men từ một hoặc hỗn hợp của các loại nguyên liệu chủ yếu gồm tinh bột của ngũ cốc, dịch đường của cây, hoa, củ, quả hoặc là đồ uống được pha chế từ cồn thực phẩm.</p> <p>...</p> <p>3. Cồn thực phẩm là hợp chất hữu cơ có công thức phân tử là C_2H_5OH và có tên khoa học là ethanol đã được loại bỏ tạp chất, đạt yêu cầu dùng trong thực phẩm theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, có khả năng gây nghiện và gây ngộ độc cấp tính.</p> <p>4. Độ cồn là số đo chỉ hàm lượng cồn thực phẩm có trong rượu, bia tính theo phần trăm thể tích. Độ cồn được tính bằng số mililit ethanol nguyên chất trong</p>	<p>- Quy định tại Luật thuế TTĐB chưa đồng bộ với Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia.</p> <p>- Đề phù hợp với quy định tại Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia, cần thiết sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 2 Luật thuế TTĐB như sau: “rượu theo quy định của Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia, bao gồm cả các loại đồ uống có cồn thực phẩm khác được lên men từ trái cây, ngũ cốc; đồ uống được pha chế từ cồn thực phẩm” để đồng bộ với Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia.</p>

Nhóm vấn đề	Văn bản QPPL được rà soát	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
Đối tượng chịu thuế và đối tượng không chịu thuế	3. Luật hàng không dân dụng	<p><i>100 ml dung dịch ở 20°C”.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm e khoản 1 Điều 2 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định “e) Tàu bay, du thuyền;” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB. - Theo quy định của Luật hàng không dân dụng Việt Nam, khái niệm về tàu bay rất rộng bao gồm tất cả những thiết bị bay như Flycam để quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ, thiết bị bay điều khiển từ xa dùng để phun thuốc trừ sâu, chữa cháy, khí cầu, máy bay đồ chơi trẻ em điều khiển từ xa... 	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu thu thuế TTĐB đối với mặt hàng tàu bay bao gồm cả các thiết bị bay, khí cầu, máy bay, đồ chơi trẻ em thì chưa phù hợp với mục tiêu của chính sách thuế TTĐB. - Để làm rõ đối tượng chịu thuế TTĐB là các loại tàu bay có động cơ và là những mặt hàng cao cấp phục vụ cho mục đích tiêu dùng cá nhân của các đối tượng có thu nhập cao trong xã hội, cần sửa đổi quy định “tàu bay” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB bằng quy định “máy bay, trực thăng, tàu lượn” thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, đồng thời sửa đổi tương ứng tại đối tượng không chịu thuế TTĐB.
Đối tượng chịu thuế	4. Tiêu chuẩn Việt Nam về xe ô tô và dự thảo Luật Đường bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Tại điểm d khoản 1 Điều 2 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định đối tượng chịu thuế TTĐB: “Xe ô tô dưới 24 chỗ, kể cả xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng loại có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy định của Luật thuế TTĐB chưa đồng bộ với Tiêu chuẩn Việt Nam về xe ô tô, dự thảo Luật đường bộ dẫn đến vướng mắc trong thực hiện. - Đề xuất sửa đổi, bổ sung quy

Nhóm vấn đề	Văn bản QPPL được rà soát	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>- Theo Tiêu chuẩn TCVN 7271:2003 Phương tiện giao thông đường bộ - Ô tô - Phân loại theo mục đích sử dụng và Quyết định số 2431/QĐ-BKHCN ngày 08/11/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ về công bố sửa đổi 2:2010 TCVN 7271:2003 Phương tiện giao thông đường bộ - Ô tô - Phân loại theo mục đích sử dụng thì ô tô được phân loại thành: Ô tô chở người; Ô tô chở hàng và Ô tô chuyên dùng.</p> <p>+ Ô tô chở người: gồm có ô tô con; ô tô khách và ô tô chở người chuyên dụng. Trong đó ô tô con được mô tả có chỗ người lái không lớn hơn 9; ô tô pickup chở người có ít nhất một đặc điểm khác với ô tô pick-up chở hàng nêu tại điểm 3.2.7 và 3.2.8 ...</p> <p>+ Ô tô chở hàng, có bao gồm ô tô pick-up chở hàng cabin đơn (mục 3.2.7), ô tô pick-up chở hàng cabin kép (mục 3.2.8), ô tô tải VAN có 2 hàng ghế (mục 3.2.9). Theo đó, ô tô pick-up chở hàng cabin kép có đặc điểm thùng hàng dạng hở (có thể có mui phủ) hoặc dạng kín, có thể liền hoặc không liền thân với cabin, có bố trí cửa để xếp, dỡ hàng; Trong cabin có bố trí hai hàng ghế, có số chỗ ngồi kể cả chỗ ngồi của người lái không lớn hơn 5; Thùng hàng không có trang bị tiện nghi và nội thất phục vụ chở người; Diện tích hữu ích của sàn thùng hàng (Fh) không nhỏ hơn 1 m² (xác định như Phụ lục A của TCVN 7271: 2003); Tổng khối lượng hàng hóa cho phép chở (mh) phải lớn hơn tổng khối lượng của số người cho phép chở</p>	<p>định mặt hàng “xe ô tô dưới 24 chỗ, kể cả xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng loại có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng” thành “Xe có động cơ dưới 24 chỗ, bao gồm: xe ô tô chở người; xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; xe ô tô pick-up chở người; xe ô tô pick-up chở hàng cabin kép; xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng loại có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng” để đồng bộ với Tiêu chuẩn Việt Nam về ô tô, quy định của Bộ Giao thông vận tải (GTVT), dự thảo Luật đường bộ và tháo gỡ vướng mắc trong thực tế thực hiện.</p>

Nhóm vấn đề	Văn bản QPPL được rà soát	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>(mng) được tính theo tỷ lệ sau: $mng = 65 \text{ kg/người} \times \text{số chỗ ngồi}$). Đối với xe ô tô tải VAN có 2 hàng ghế thì khối lượng chuyên chở (bao gồm cả người và hàng hóa) từ 950 kg trở lên.</p> <p>+ Ô tô chuyên dùng.</p> <p>Đối chiếu với Tiêu chuẩn Việt Nam về phương tiện giao thông đường bộ hiện nay (Ô tô) cho thấy: không có phân loại ô tô theo “xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng” mà chỉ có mô tả ô tô pick-up chở hàng cabin kép, ô tô pick-up chở người, ô tô VAN có 02 hàng ghế.</p> <p>Ô tô pick-up chở người thuộc chủng loại ô tô con. Ô tô pick-up chở hàng cabin đơn là xe thiết kế chuyên chở hàng thuộc chủng loại ô tô chở hàng (ô tô tải). Xe ô tô tải VAN có 2 hàng ghế, Ô tô pick-up chở hàng cabin kép là loại được thiết kế xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng.</p> <p>- Tại dự thảo Luật Đường bộ sắp được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 7 có quy định như sau:</p> <p><i>“40. Xe ô tô là xe cơ giới có từ bốn bánh trở lên chạy bằng động cơ, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ, không chạy trên đường ray; dùng để chở người, hàng hóa, kéo rơ moóc, kéo sơ mi rơ moóc, có thể có kết cấu để thực hiện chức năng, công dụng đặc biệt; có vận tốc thiết kế lớn nhất không nhỏ hơn 60 km/h; xe ô tô bao gồm cả xe được nối với đường dây dẫn điện, xe ba bánh có khối lượng bản thân lớn hơn</i></p>	

Nhóm vấn đề	Văn bản QPPL được rà soát	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>400 kg, xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn.</p> <p>41. Xe ô tô chở người là xe ô tô có kết cấu và trang bị chủ yếu dùng để chở người, hành lý, hàng hoá kỹ gửi, có thể được thiết kế, sản xuất để kéo theo rơ moóc.</p> <p>42. Xe ô tô con là xe ô tô chở người được thiết kế, sản xuất có số người cho phép chở kể cả người lái dưới 10 người.</p> <p>43. Xe ô tô khách là xe có ô tô chở người được thiết kế, sản xuất có số người cho phép chở kể cả người lái từ 10 người trở lên, trên xe không bố trí chỗ đứng.</p> <p>44. Xe ô tô khách thành phố là xe ô tô chở người có số người cho phép chở từ 10 người trở lên, kể cả người lái; trên xe có bố trí các ghế ngồi, chỗ đứng; có kết cấu và trang bị để vận chuyển hành khách trong thành phố và vùng lân cận, cho phép hành khách di chuyển phù hợp với việc dùng, đỗ xe thường xuyên.</p> <p>45. Xe ô tô chở hàng (ô tô tải) là xe ô tô có kết cấu và trang bị chủ yếu dùng để chở hàng hoá và có tối đa hai hàng ghế chở được tối đa 06 người ngồi trong ca bin, có thể được thiết kế, sản xuất để kéo theo rơ moóc.</p> <p>46. Xe ô tô chuyên dùng là xe ô tô có kết cấu và trang bị để thực hiện chức năng, công dụng đặc biệt, có thể được thiết kế, sản xuất để kéo theo rơ moóc.</p> <p>...</p> <p>55. Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ là xe cơ giới có hai trục, từ bốn bánh trở lên, chạy bằng động</p>	

Nhóm vấn đề	Văn bản QPPL được rà soát	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p><i>co được thiết kế, chế tạo để hoạt động trên đường bộ trong phạm vi hạn chế, có kết cấu để chờ người, vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 30 km/h, số chỗ ngồi tối đa không quá 15 chỗ (kể cả chỗ ngồi của người lái)."</i></p>	
Hoàn thuế	<p>5. Luật doanh nghiệp và Luật Hợp tác xã</p>	<p>- Điểm c Khoản 1 Điều 8 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định về trường hợp người nộp thuế TTĐB được hoàn thuế đã nộp trong trường hợp sau: "<i>c) Quyết toán thuế khi sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, chấm dứt hoạt động có số thuế nộp thừa;</i>"</p> <p>- Theo quy định của Luật doanh nghiệp thì công ty mới, sau chia đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Công ty bị chia (Điều 198); công ty được tách đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Công ty bị tách (Điều 199); Công ty hợp nhất đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Công ty bị hợp nhất (Điều 200); Công ty nhận sáp nhập đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Công ty bị sáp nhập (Điều 201); Công ty chuyển đổi đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty được chuyển đổi (Điều 202, Điều 203, Điều 204, Điều 205). Theo đó, doanh nghiệp sau khi tổ chức lại, chuyển đổi loại</p>	<p>- Để tránh trường hợp doanh nghiệp lợi dụng chính sách để lập hồ sơ hoàn thuế TTĐB, cần nghiên cứu sửa đổi quy định không áp dụng hoàn thuế TTĐB đối với trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chấm dứt hoạt động và bổ sung quy định người nộp thuế sẽ được chuyển số thuế TTĐB chưa được khấu trừ khi quyết toán thuế do sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi sở hữu, chấm dứt hoạt động cho Công ty mới thành lập/Công ty được chuyển đổi/Doanh nghiệp (đối với</p>

Nhóm vấn đề	Văn bản QPPL được rà soát	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>hình hoạt động đương nhiên kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp được tổ chức lại, được chuyển đổi.</p> <p>Như vậy, theo pháp luật thuế TTĐB thì doanh nghiệp được hoàn thuế TTĐB đã nộp khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách. Trong khi, theo quy định của Luật doanh nghiệp thì doanh nghiệp sau tổ chức lại (sáp nhập, chia, tách doanh nghiệp), sau chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi loại hình (từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần hoặc ngược lại, từ Doanh nghiệp tư nhân sang Công ty cổ phần hoặc Công ty TNHH hoặc Công ty hợp danh) phải kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp (bao gồm cả quyền kê khai, khấu trừ thuế TTĐB) của doanh nghiệp được tổ chức lại, được chuyển đổi.</p> <p>- Trên thực tế có trường hợp hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp, tổ hợp tác chuyển đổi thành hợp tác xã. Đối với trường hợp hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp thì không phát sinh số thuế TTĐB nộp thừa hoặc chưa được khấu trừ hết vì theo quy định pháp luật thuế TTĐB hiện hành thì hộ kinh doanh là đối tượng nộp thuế theo phương pháp trực tiếp. Đối với trường hợp tổ hợp tác thì tại Luật Hợp tác xã chưa có quy định Hợp tác xã được kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ hợp tác.</p>	<p>trường hợp đơn vị hạch toán phụ thuộc chấm dứt hoạt động) đề phù hợp với Luật Doanh nghiệp.</p> <p>- Bổ sung quy định đối với trường hợp tổ hợp tác chuyển đổi thành hợp tác xã thì hợp tác xã được kế thừa số thuế TTĐB nộp thừa hoặc số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết của tổ hợp tác để tiếp tục khấu trừ, hoàn thuế theo quy định.</p>

Nhóm vấn đề	Văn bản QPPL được rà soát	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
Đối tượng không chịu thuế	6. Luật Thương mại	<p>- Tại khoản 1 và 2 Điều 30 Luật thương mại số 36/2005/QH11 quy định về chuyển khẩu hàng hóa như sau:</p> <p><i>“1. Chuyển khẩu hàng hóa là việc mua hàng từ một nước, vùng lãnh thổ để bán sang một nước, vùng lãnh thổ ngoài lãnh thổ Việt Nam mà không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và không làm thủ tục xuất khẩu ra khỏi Việt Nam.</i></p> <p><i>2. Chuyển khẩu hàng hóa được thực hiện theo các hình thức sau đây:</i></p> <p><i>a) Hàng hóa được vận chuyển thẳng từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu không qua cửa khẩu Việt Nam;</i></p> <p><i>b) Hàng hóa được vận chuyển từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu có qua cửa khẩu Việt Nam nhưng không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và không làm thủ tục xuất khẩu ra khỏi Việt Nam;</i></p> <p><i>c) Hàng hóa được vận chuyển từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu có qua cửa khẩu Việt Nam và đưa vào kho ngoại quan, khu vực trung chuyển hàng hoá tại các cảng Việt Nam, không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và không làm thủ tục xuất khẩu ra khỏi Việt Nam.”</i></p> <p>- Luật thuế TTĐB hiện hành có quy định hàng hóa quá cảnh thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB nhưng chưa có quy định thể nào là hàng hóa chuyển khẩu tại Luật thuế TTĐB.</p>	<p>Đề đồng bộ với pháp luật thương mại, đề xuất sửa đổi quy định “Hàng hóa quá cảnh theo quy định của pháp luật thương mại” thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.</p>

Nhóm vấn đề	Văn bản QPPL được rà soát	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
Đối tượng không chịu thuế	7. Luật Hải quan	<p>- Tại khoản 1 Điều 4 Luật hải quan số 54/2014/QH13 có quy định như sau: <i>"1. Chuyển cửa khẩu là việc chuyển hàng hóa, phương tiện vận tải đang chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan từ địa điểm làm thủ tục hải quan này đến địa điểm làm thủ tục hải quan khác."</i></p> <p>- Tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan có quy định về kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa trung chuyển như sau: <i>"1. Hàng hóa trung chuyển là hàng hóa từ nước ngoài đưa vào khu vực trung chuyển, sau đó được đưa ra nước ngoài trực tiếp từ khu vực trung chuyển này; không được vận chuyển trong lãnh thổ Việt Nam để xuất khẩu qua cửa khẩu khác trừ trường hợp thực hiện theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Hàng hóa trung chuyển được đưa ra nước ngoài toàn bộ hoặc từng phần của lô hàng đã chuyển vào cảng. 2. Hàng hóa trung chuyển phải được thông báo với cơ quan hải quan, chịu sự giám sát hải quan trong suốt quá trình lưu giữ tại cảng. Việc kiểm tra thực tế hàng hóa trung chuyển chỉ áp dụng trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật. ..."</i></p>	<p>Đề đồng bộ với pháp luật về pháp luật hải quan, đề xuất sửa đổi quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Luật thuế TTĐB như sau: <i>"hàng hóa trung chuyển theo quy định của pháp luật hải quan"</i> thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.</p>

Nhóm vấn đề	Văn bản QPPL được rà soát	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		Luật thuế TTĐB hiện hành quy định hàng hóa mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB, chưa có quy định về hàng hóa trung chuyển.	
	8. Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu		
Đối tượng không chịu thuế	8.1. Về quy định hàng hóa quá cảnh, mượn đường qua cửa khẩu biên giới	<p>- Tại điểm b khoản 2 Điều 3 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định “<i>b) Hàng hóa vận chuyển quá cảnh hoặc mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam, hàng hóa chuyển khẩu theo quy định của Chính phủ,</i>” thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.</p> <p>- Tại Khoản 4 Điều 2 Luật xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu không áp dụng đối với các trường hợp “<i>a) Hàng hóa quá cảnh, chuyển khẩu, trung chuyển;</i>”</p>	Theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hiện không còn có khái niệm “ <i>Hàng hóa mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam</i> ”. Do vậy, cần thiết sửa đổi quy định để thống nhất với pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.
Giá tính thuế	8.2. Về quy định trị giá tính thuế và các khoản thuế nhập khẩu bổ sung	<p>- Tại khoản 2 Điều 6 Luật thuế TTĐB hiện hành quy định: “<i>2. Đối với hàng hóa nhập khẩu tại khâu nhập khẩu là giá tính thuế nhập khẩu công với thuế nhập khẩu. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu thì giá tính thuế không bao gồm số thuế nhập khẩu được miễn, giảm. Hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt nhập khẩu được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu nhập khẩu khi</i></p>	<p>- Quy định tại Luật thuế TTĐB chưa đồng bộ với Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu dẫn đến những khó khăn trong thực hiện.</p> <p>- Đề xuất sửa đổi quy định rõ giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu tại khâu nhập khẩu là</p>

Nhóm vấn đề	Văn bản QPPL được rà soát	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p><i>xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bán ra,"</i></p> <p>- Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định về trị giá tính thuế nhập khẩu (không dùng khái niệm giá tính thuế nhập khẩu).</p> <p>- Khoản 4, 5, 6 Điều 4 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 quy định về các khoản thuế nhập khẩu bổ sung như sau:</p> <p><i>"5. Thuế chống bán phá giá là thuế nhập khẩu bổ sung được áp dụng trong trường hợp hàng hóa bán phá giá nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản sự hình thành của ngành sản xuất trong nước.</i></p> <p><i>6. Thuế chống trợ cấp là thuế nhập khẩu bổ sung được áp dụng trong trường hợp hàng hóa được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản sự hình thành của ngành sản xuất trong nước.</i></p> <p><i>7. Thuế tự vệ là thuế nhập khẩu bổ sung được áp dụng trong trường hợp nhập khẩu hàng hóa quá mức vào Việt Nam gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản sự hình thành của ngành sản xuất trong nước".</i></p>	<p><i>trị giá tính thuế nhập khẩu theo quy định pháp luật thuế xuất nhập khẩu, cộng với thuế nhập khẩu, cộng với các khoản thuế là thuế nhập khẩu bổ sung theo quy định pháp luật thuế xuất nhập khẩu (nếu có) để đồng bộ với pháp luật về thuế xuất nhập khẩu. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu, thuế nhập khẩu bổ sung thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt không bao gồm số thuế nhập khẩu, thuế nhập khẩu bổ sung được miễn, giảm.</i></p>